

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-PT
Ngày 19-12-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuệ

Các Thẩm phán: Ông Lộc Sơn Thái

Ông Cao Đức Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Liễu Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Bà Hoàng Thị Loan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2023/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2023, về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 18/2023/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đàm Văn T. Cư trú tại: Thôn H, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Bé Thị T. Cư trú tại: Phố Đ, khu đô thị P, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Chị Bé Thị T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đàm Văn T và chị Bé Thị T kết hôn tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 03 tháng

7 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên ngày 01/01/2022, anh Đàm Văn T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Bé Thị T. Quá trình giải quyết vụ án, chị Bé Thị T nhất trí ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Bé Quang V, sinh ngày 04-02-2007 và cháu Đàm Vinh Q, sinh ngày 21-11-2008, hiện cả hai cháu đều đang ở với chị Bé Thị T. Khi ly hôn anh Đàm Văn T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đàm Vinh Q, chị Bé Thị T có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bé Quang V đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Bé Thị T yêu cầu được nuôi cả hai con chung, yêu cầu anh Đàm Văn T cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/tháng/con. Trường hợp anh Đàm Văn T yêu cầu nuôi cả hai người con chung thì chị cũng nhất trí và chị không cấp dưỡng nuôi con do trong suốt thời gian chung sống trước đó anh Đàm Văn T đã không có đóng góp gì. Đối với ý kiến của anh Đàm Văn T yêu cầu được nuôi cháu Đàm Vinh Q, để chị nuôi cháu Bé Quang V thì chị cũng nhất trí, tuy nhiên đề nghị Tòa án cân nhắc nguyện vọng của các con vì khi chị hỏi ý kiến thì cả hai con đều nói không muốn ở với bố.

Về tài sản chung, nợ chung:

- Nhà, đất tại Đường H, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2013 mang tên Đàm Văn T và Bé Thị T, diện tích 95,4m². Năm 2021 anh và chị Bé Thị T chuyển nhượng cho ông Lê Văn H và bà Dương Thị D. Tài sản này đã được giải quyết bằng bản án phúc thẩm số 64/2022/DS-PT ngày 26-12-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, theo bản án chị Bé Thị T được nhận 1.900.000.000 đồng, anh Đàm Văn T được nhận 1.700.000.000 đồng. Hai bên đã nhận đủ tiền theo bản án.

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent, biển kiểm soát 12A -136.62, giấy tờ đăng ký xe mang tên ông Đàm Văn T, mua năm 2020, mua mới giá trần là 530.000.000 đồng, cộng tiền thuế trước bạ, đăng ký biển xe, đăng kiểm, bảo hiểm... tổng cộng 600.000.000 đồng. Ngoài ra anh Đàm Văn T cũng lắp thêm camera, làm thảm.... Năm 2021, anh Đàm Văn T đã bán cho ông Nguyễn Văn L với giá 425.000.000 đồng. Anh Đàm Văn T tự ý bán, chị Bé Thị T không được biết, không được nhận tiền, không được ký giấy tờ gì, không được sử dụng tiền bán xe. Sau khi bán xe anh đã dùng số tiền đó trả nợ ngân hàng, số còn lại 224.011.000 đồng hiện anh vẫn đang giữ.

Anh Đàm Văn T trình bày: Số tiền bán nhà chị Bé Thị T nhận nhiều hơn anh Đàm Văn T 200.000.000 đồng nên anh Đàm Văn T đề nghị bù trừ tiền chênh lệch bán nhà mà chị Bé Thị T đang giữ nhiều hơn anh 200.000.000 đồng sang tiền bán xe còn lại mà anh đang giữ số tiền 224.011.000 đồng, không bên nào phải hoàn trả tiền cho bên nào.

Chị Bé Thị T không nhất trí với ý kiến của anh Đàm Văn T bù chênh lệch sang tiền bán xe. Nếu phải chia lại số tiền bán nhà, đất thì chị yêu cầu gộp lại cả tiền chị đã nhận và tiền anh Đàm Văn T đã nhận, tổng là 3.600.000.000 đồng để

chia lại theo tỷ lệ chị nhận 07 phần, anh Đàm Văn T nhận 03 phần. Lý do, trong thời kỳ hôn nhân anh Đàm Văn T có lỗi dẫn đến ly hôn.

- Khoản tiền 245.000.000 đồng chị Bé Thị T cho ông Mai Văn H, cư trú tại Thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn vay vào cuối năm 2020, đầu năm 2021. Hiện nay anh Mai Văn H đã trả cho chị Bé Thị T số tiền 120.000.000 đồng, số nợ còn lại là 125.000.000 đồng, ngày 06-01-2021 anh Mai Văn H viết giấy nhận nợ với vợ chồng anh Đàm Văn T, chị Bé Thị T số tiền trên, lãi suất 12%/năm. Sau khi viết giấy nhận nợ, anh Mai Văn H đã trả được cho anh 10.600.000 đồng, trả cho chị Bé Thị T 20.000.000 đồng, đều là trả lãi, nợ gốc vẫn còn 125.000.000 đồng. Khi ly hôn, anh Đàm Văn T yêu cầu chia đôi số nợ gốc và lãi 12%/năm theo giấy nhận nợ ngày 06-01-2021. Chị Bé Thị T yêu cầu anh Mai Văn H có trách nhiệm thanh toán cho chị và anh Đàm Văn T số nợ gốc là 125.000.000 đồng và nợ lãi từ tháng 01-2021 đến tháng 8-2023 theo lãi ngân hàng, số tiền lãi tạm tính là 56.000.000 đồng, cụ thể thanh toán cho chị 07 phần, thanh toán cho anh Đàm Văn T 03 phần.

Ngoài ra, còn có khoản tiền chị Bé Thị T cho anh Trần Mạnh H và chị Nông Thị Thu H vay, số tiền 268.614.000 đồng trong đó nợ gốc là 234.000.000 đồng và nợ lãi là 34.614.000 đồng (theo Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DSST ngày 13-12-2022 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình - đã có hiệu lực pháp luật). Khoản tiền 160.000.000 đồng chị Bé Thị T vay bà Hoàng Thị L vào năm 2020, không thỏa thuận về lãi, khoản vay này anh Đàm Văn T không biết. Các bên đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Với nội dung trên, bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 18/2023/HNGĐ-ST ngày 12/9/2023 của TAND thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 5; điểm g khoản 1 Điều 217, điểm c khoản 1 Điều 192, Điều 244, khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165, khoản 1, 2, 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự. Điểm h khoản 1 Điều 5, các Điều 19, 33, khoản 2 Điều 35, các Điều 55, 58, 59, 65, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 8 Điều 26, điểm a, b, c khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đàm Văn T và chị Bé Thị T.

2. Về con chung: Anh Đàm Văn T và chị Bé Thị T có 02 con chung tên Đàm Quang Vinh (Bé Quang V), sinh ngày 04-02-2007 và Đàm Vinh Q, sinh ngày 21-11-2008. Khi ly hôn anh Đàm Văn T được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đàm Vinh Q, chị Bé Thị T được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đàm Quang Vinh (Bé Quang V) đến tuổi trưởng thành, 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi

con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung

....

3.3. Xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của anh Đàm Văn T và chị Bé Thị T gồm:

Số tiền bán xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent, biển kiểm soát 12A -136.62 còn lại là 224.011.000 đồng (hai trăm hai mươi bốn triệu không trăm mười một nghìn đồng) và khoản tiền anh Mai Văn H còn nợ anh Đàm Văn T và chị Bé Thị T là 134.633.000 đồng (một trăm ba mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng), nợ lãi tính từ ngày 06-01-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (12-9-2023), trừ đi số tiền lãi anh Mai Văn H đã trả, số nợ lãi còn lại 9.633.000 đồng (chín triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn đồng).

3.4. Giải quyết tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn

Anh Đàm Văn T được hưởng 89.604.000 đồng (tám mươi chín triệu sáu trăm linh bốn nghìn đồng) tiền bán xe ô tô Hyundai Accent, biển kiểm soát 12A -136.6 và có nghĩa vụ trả cho chị Bé Thị T 134.407.000 đồng (một trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm linh bảy nghìn đồng) tiền bán xe ô tô Hyundai Accent, biển kiểm soát 12A -136.6 do anh Đàm Văn T đang giữ.

Anh Mai Văn H có nghĩa vụ trả cho anh Đàm Văn T 50.000.000 đồng nợ gốc và 3.853.000 đồng nợ lãi; trả cho chị Bé Thị T 75.000.000 đồng nợ gốc và 5.780.000 đồng nợ lãi tính đến ngày 12-9-2023....

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên lãi suất chậm trả, chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, ngày 25/9/2023, chị Bé Thị T có đơn kháng cáo phần tài sản của bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại giá trị tài sản chung và phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent, biển kiểm soát 12A – 136.62. Cụ thể: Về giá trị chiếc xe Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền thực tế anh Đàm Văn T bán xe là tài sản chung là không đúng vì anh Đàm Văn T tự ý bán xe, chị Bé Thị T không được tham gia. Đề nghị xác định lại giá trị chiếc xe khoảng 590.000.000 đồng, sau khi trừ đi tiền anh Đàm Văn T đã trả nợ ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Bé Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo. Anh Đàm Văn T không chấp nhận nội dung kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự đã

được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của chị Bé Thị T làm trong thời hạn luật định, nên kháng cáo là hợp lệ.

Căn cứ biên bản định giá tài sản ngày 24/4/2023, xác định giá trị còn lại của chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent, BKS 12A -136.62 là 388.596.000 đồng. Anh Đàm Văn T và chị Bé Thị T đều nhất trí với kết quả định giá, không có ý kiến gì. Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent, BKS 12A -136.62 mua năm 2020 với giá 530.000.000 đồng, là tài sản sử dụng chung trong quá trình hôn nhân có khấu hao. Bị đơn chị Bé Thị T cho rằng việc bán xe do anh Đàm Văn T tự ý bán, chị không được tham gia. Tuy nhiên, chị biết việc anh Đàm Văn T bán xe từ năm 2021 nhưng không có yêu cầu gì, đồng thời đến nay chiếc xe đã chuyển quyền sở hữu qua nhiều người, chị đề nghị xác định giá trị chiếc xe khoảng 590.000.000 đồng là không có cơ sở.

Thực tế, anh Đàm Văn T đã bán chiếc xe với giá 425.000.000 đồng (cao hơn giá định giá), Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền 425.000.000 đồng anh Đàm Văn T đã bán xe là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân để đảm bảo quyền lợi của các bên, cũng như đúng với giá trị mua bán thực tế. Số tiền trên anh Đàm Văn T đã trả nợ món vay tại ngân hàng SHB 200.988.990 đồng, còn lại là 224.011.000 đồng xác định là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là có cơ sở. Xét anh Đàm Văn T là người có lỗi, nên Tòa án cấp sơ thẩm chia tài sản chung theo tỉ lệ 60/40, chị Bé Thị T được phần nhiều hơn là đã xem xét, đánh giá đầy đủ tài liệu, chứng cứ và hoàn toàn phù hợp, do đó kháng cáo của bị đơn không có căn cứ để chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Bé Thị T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 12-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị Bé Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại cấp sơ thẩm xác định anh Mai Văn H, anh Trần Mạnh H, chị Nông Thị Thu H, ông Nguyễn Văn L, ông Đinh Trọng T, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn T, ông Hoàng Long P, Ngân hàng Thương mại cổ phần S và Văn phòng Văn phòng công chứng N là những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Tuy nhiên, những người này không liên quan đến việc giải quyết kháng cáo. Căn cứ Điều 294 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án không triệu tập những người này tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn chị Bé Thị T yêu cầu: Xem xét lại giá trị tài sản chung và phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent, biển kiểm soát 12A – 136.62. Cụ thể: Về giá trị chiếc xe Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền thực tế anh Đàm Văn T bán xe là tài sản chung là không đúng vì anh Đàm Văn T tự ý bán xe, chị Bé Thị T không được tham gia. Đề nghị xác định lại giá trị chiếc xe khoảng 590.000.000 đồng, sau khi trừ đi tiền anh Đàm Văn T đã trả nợ ngân hàng; thấy rằng:

[3] Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent, biển kiểm soát 12A -136.62 là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân và không có văn bản thỏa thuận là tài sản riêng của vợ hoặc chồng nên xác định là tài sản chung theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình. Chiếc xe đã chuyển quyền sở hữu qua nhiều người và những người mua xe đều không biết đây là tài sản chung của hai vợ chồng anh Đàm Văn T và chị Bé Thị T. Chị Bé Thị T cũng thừa nhận, chị biết việc anh Đàm Văn T bán xe cho ông Đình Trọng Tuấn từ năm 2021 nhưng chị không yêu cầu cơ quan nào giải quyết.

[4] Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giá tài sản là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent, biển kiểm soát 12A -136.62, nên Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn đã ban hành Quyết định định giá và thành lập Hội đồng định giá. Kết quả định giá ngày 24-4-2023, Hội đồng định giá căn cứ theo hóa đơn mua do đương sự cung cấp và vận dụng định mức hao mòn theo từng năm theo quy định để tính giá trị còn lại của chiếc xe là 388.000.000 đồng. Anh Đàm Văn T và chị Bé Thị T đều nhất trí với kết quả định giá nêu trên, không có ai có ý kiến gì.

[5] Thực tế, số tiền anh Đàm Văn T đã bán xe là 425.000.000 đồng cao hơn giá của Hội đồng định giá tài sản, do đó để đảm bảo quyền lợi của các bên, cũng như đúng với giá trị mua bán thực tế đã thực hiện, xác định số tiền 425.000.000 đồng anh Đàm Văn T đã bán xe là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Số tiền trên anh Đàm Văn T đã trả nợ món vay tại SHB 200.988.990 đồng (là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân). Số tiền còn lại anh còn giữ là 224.011.000 đồng, xác định đây là tài sản chung của vợ chồng.

[6] Căn cứ theo Điều 2 Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC có quy định: *“Việc định giá tài sản được thực hiện dựa trên các tiêu chuẩn kỹ thuật, thực trạng của tài sản; phù hợp với giá thị trường nơi có tài sản tại thời điểm định giá”*. Cấp sơ thẩm xác định giá trị chiếc xe là có căn cứ pháp lý, phù hợp với thực tế khách quan.

[7] Tại cấp phúc thẩm, chị Bé Thị T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo đã đưa ra. Do đó, việc chị Bé Thị T kháng cáo yêu cầu xác định giá trị chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent, biển kiểm soát 12A -136.62 theo giá tại thời điểm mua mới là không có căn cứ, không được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị Bé Thị T phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng. Chị Bé Thị T đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Toà án số AA/2023/0000144 ngày 19/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; xác nhận chị Bé Thị T đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[10] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Bé Thị T; giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 18/2023/DS-ST ngày 12-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

2. Về án phí phúc thẩm: Chị Bé Thị T phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng. Xác nhận chị Bé Thị T đã nộp đủ án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2023/0000144 ngày 19/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

3. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND TP. Lạng Sơn; tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS thành phố L; tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Tuệ